

# VỀ THÀNH TỐ VĂN HÓA TRONG DẠY HỌC TIẾNG HÁN CHO SINH VIÊN VIỆT NAM GIAI ĐOẠN SƠ CẤP

ThS. NGUYỄN HÀ THU\*

**N**gôn ngữ và văn hóa (VH) có mối liên hệ qua lại chặt chẽ. Việc dạy học ngoại ngữ (DHNN) không thể tách rời giảng dạy VH. Kết hợp được các thành tố VH trong DHNN, giờ học sẽ trở nên sinh động, gây được hứng thú và giúp cho người học vừa nâng cao kiến thức ngôn ngữ vừa hiểu thêm về đất nước, con người nơi ngôn ngữ được sử dụng, từ đó làm cơ sở nâng cao hiệu quả giao tiếp ngôn ngữ. Làm thế nào để lồng ghép thành tố VH trong DHNN là vấn đề đáng lưu tâm.

## 1. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và VH trong DHNN

Ngôn ngữ là phương tiện chuyển tải VH và VH chứa đựng trong ngôn ngữ. Ngôn ngữ là kết tinh của VH dân tộc, vì vậy, ngôn ngữ mà VH có quan hệ tương tác, thúc đẩy nhau cùng phát triển. Sự biến đổi và phát triển ngôn ngữ lại luôn luôn đi song song với biến đổi và phát triển VH. Vậy, muốn nghiên cứu sâu về VH cần thiết phải thông qua ngôn ngữ, và tất nhiên muốn đi sâu tìm hiểu ngôn ngữ phải chú tâm đến VH.

Thông thường, trình độ sử dụng một ngôn ngữ như một ngoại ngữ (khả năng nghe, nói, đọc, viết) được quyết định bằng hai yếu tố: sự am hiểu về ngôn ngữ và hiểu biết về kiến thức VH trong bối cảnh của ngôn ngữ đó. Ta không thể học tiếng nói của một dân tộc mà không hiểu VH của họ.

Người dạy cần quan tâm đúng mực đến các yếu tố VH của ngôn ngữ mà mình giảng dạy, phải nhận thức rõ rằng dạy VH là một phần không thể tách rời trong DHNN. Chỉ có kết hợp giảng dạy VH mới có thể giúp người học hiểu sâu hơn về bản chất của các hiện tượng ngôn ngữ, từ đó sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên và "bản địa" nhất. Người dạy cần xác định đúng đối tượng dạy học trên các phương diện trình độ, điều kiện học tập nhằm lựa chọn thời gian và phương pháp hợp lý lồng ghép kiến thức VH trong quá trình dạy học, từng bước đưa người học vào thế giới tiềm ẩn trong ngôn ngữ ấy, đối chiếu so sánh tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt của hai nền VH giúp người

học nắm bắt dễ dàng hơn, có cơ sở khoa học hơn và đặc biệt là gây được hứng thú cho giờ học.

## 2. Một số kiến nghị trong việc đưa VH vào giảng dạy tiếng Hán giai đoạn sơ cấp

**1) Sự cần thiết đưa VH vào DHNN ngay trong giai đoạn sơ cấp.** Trong quá trình dạy học Hán ngữ sơ cấp chúng tôi nhận thấy, rất nhiều người học bỏ ra nhiều công sức để học tiếng Hán và cũng nắm bắt được một lượng nhất định từ vựng nhưng vẫn chưa thể thực hiện giao tiếp một cách tự nhiên, thường xuyên xuất hiện những lỗi biểu đạt. Dần dần người học cảm thấy nản và mất đi hứng thú học, thậm chí còn cho rằng tiếng Trung Quốc là một ngoại ngữ quá khó. Do vậy, ngay từ khi mới bắt đầu, nên bồi dưỡng cho người học niềm hứng thú nhất định, đưa họ vào thế giới VH của dân tộc Trung Hoa, kích thích ở họ sự tìm tòi và trải nghiệm.

Như đã nói ở trên VH và ngôn ngữ có mối liên hệ qua lại lẫn nhau, cần phải đưa VH vào quá trình dạy học ngôn ngữ. Vấn đề đáng nói ở đây là khi nào và ở đâu nên đan xen truyền đạt kiến thức VH vào truyền đạt kiến thức ngôn ngữ, hay cụ thể hơn là ở giai đoạn sơ cấp ta nên dạy gì và dạy như thế nào.

*Trong giai đoạn sơ cấp*, người học bước đầu tiếp xúc với tiếng Hán. Trọng tâm dạy VH nên hướng tới những từ ngữ giao tiếp hàng ngày và một số thường thức VH. Ví dụ: hỏi đường, hỏi thời gian, đi xe, mua đồ,...; khái quát về VH ẩm thực Trung Quốc (bánh chảo, bánh màn thầu...). Thông qua những từ ngữ, đoạn hội thoại, đoạn văn nhỏ, giảng viên (GV) lí giải sâu hơn về hàm ý VH giúp người học hiểu hơn về một nền VH mới. Tiếp đó, khi người học đã trang bị cho mình cơ sở ngôn ngữ và tri thức VH nhất định, GV sẽ tăng cường giới thiệu về tình hình VH xã hội Trung Quốc, ví dụ: dân số, dân tộc, tình hình địa lí, danh lam thắng cảnh, phong tục tập quán,... giúp HS hiểu

\* Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học quốc gia Hà Nội

biết về đất nước - con người và ngôn ngữ Trung Quốc một cách hiệu quả hơn.

*Giai đoạn cao cấp*, khi người học đã vượt qua được rào cản ngôn ngữ, cũng có được những thường thức VH nhất định, những môn học chuyên đề về VH có thể được triển khai. Trọng điểm kiến thức trong giai đoạn này sẽ là lịch sử, truyền thống VH, giáo dục, tín ngưỡng,...

Như vậy điều cần nhấn mạnh ở đây là việc kết hợp VH trong DHNN cần phải được thực hiện ngay trong giai đoạn sơ cấp, khi mà người học bước đầu làm quen với ngoại ngữ.

## 2) Một số hoạt động ứng dụng

a) *Phương pháp so sánh đối chiếu*. Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng, hơn nữa VH Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc VH Hán, do vậy có khá nhiều nét tương đồng trong VH hai nước. Tuy nhiên, VH Việt Nam cũng có những nét đặc trưng và nổi bật riêng cần được đưa ra so sánh trong quá trình dạy học. Hoặc, đôi khi chính những nét tương đồng không hoàn toàn lại gây ra lỗi về biểu đạt cho SV trong quá trình sử dụng ngôn ngữ. Vai trò của giảng dạy VH khi đó sẽ được thể hiện. Ví dụ: Tiếng Việt ta thường nói "Ướt như chuột lột", nhưng tiếng Hán lại hình dung "ướt như gà rơi vào bát canh" (落汤鸡: lạc thang kê). Hình ảnh bát canh thường thấy trong VH Trung Quốc, người Trung Quốc hay uống canh, như canh gà, canh sâm... để bồi bổ cơ thể, hay khi ăn cơm họ cũng thường uống một bát canh trước thay vì ăn canh sau cùng để tráng miệng như người Việt Nam. Giảng giải như vậy, HS sẽ có ấn tượng sâu sắc về hình ảnh bát canh và nhớ luôn cụm từ "luo tang ji".

Một ví dụ khác, những bài học đầu tiên của tiếng Hán đều nhắc đến các con vật, liên kết lại ta sẽ có câu "Ji ya niu yang" (鸡鸭牛羊: kê áp ngưu dương) nghĩa là "gà vịt bò dê", hay "ji tun gou zhi" (鸡豚狗彘: kê đôn cẩu trệ). Tuy nhiên, nếu dịch sang tiếng Việt mà giữ nguyên cụm này sẽ không phù hợp với cách biểu đạt của người Việt, vì đối với người Việt Nam con dê không phải là một con vật gần gũi, mà thay vào đó phải là cụm "trâu bò lợn gà". Do vậy, khi dạy đến cụm "鸡鸭牛羊" GV cũng nên giải thích, người Trung Quốc đặc biệt là vùng phương bắc với tập quán du mục, chăn nuôi dê cừu rất phát triển, con dê rất đỗi quen thuộc trong đời sống của họ. Do vậy, bốn con vật "gà vịt bò dê" có thể tiêu biểu cho các vật nuôi trong gia đình. Cũng có thể giải thích thêm, "ngưu" (牛) ở đây chỉ chung cả trâu và bò.

HS nắm được những điểm tương đồng và khác biệt như thế này sẽ có ích trong việc nắm bắt ngôn ngữ và biểu đạt ngôn ngữ một cách chính xác hơn. Hay như một ví dụ khác, dân tộc Hán sống ở vùng lục địa châu Á, khi ví tiêu tiền mạnh tay, hoang phí quá mức thì có cách nói "挥金如土: huy kim như thổ" (vung vàng như đất). Việt Nam tuy cũng sống ở lục địa nhưng có bờ biển dài và vô vàn kênh rạch, nguồn nước dồi dào, người Việt cũng có cách tư duy liên tưởng tương tự người Anh "spend money like water", trong tiếng Việt cũng có cách nói "tiêu tiền như nước."

Nói tóm lại, sự khác biệt về VH sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc học tập ngôn ngữ và giao tiếp xã hội của HS. Do vậy, quá trình học ngôn ngữ nếu không liên hệ, so sánh với VH sẽ khó nắm bắt được bản chất ngôn ngữ.

b) *Phương pháp nhấn mạnh ngôn ngữ*. Điểm nhấn ngôn ngữ trong mỗi bài học là rất cần thiết. Trước hết là nhấn mạnh từ, ngữ. Trong quá trình dạy học, nếu gặp phải những từ ngữ có bối cảnh VH thì ngoài việc giải thích rõ ý nghĩa của nó, cần phải giới thiệu kiến thức VH mà từ ngữ đó hướng tới. Ví dụ, khi giảng về (望子成龙) "wang zi cheng long" (mong con trai thành rồng), GV có thể giới thiệu hình tượng con rồng trong VH Trung Hoa. Trong truyền thuyết cổ đại Trung Hoa, rồng là một trong tứ linh, có sức mạnh phi thường, được sùng bái và có ảnh hưởng không nhỏ đối với đời sống tâm linh người dân Trung Hoa. Hoàng đế đã tự xưng là "Chân long thiên tử" (真龙天子). Do vậy, trong VH Trung Hoa, hình tượng rồng đại diện cho sự linh thiêng, chí tôn, cát tường và phi phạm. "Mong con trai thành rồng, mong con gái thành phượng" là khát khao và hi vọng của cha mẹ dành cho con cái.

Tiếp đến, nhấn mạnh bối cảnh ngôn ngữ tác phẩm. Ngôn ngữ tác phẩm là điển hình và quy phạm nhất, qua đây có thể nhìn nhận rõ nhất về nội dung VH, tâm tư tình cảm, phong tục tập quán của dân tộc. Ví dụ như trong bộ "giáo trình Hán ngữ" có bài về hỏi đường.

请问, 去博物馆怎么走? 往东边还是往西边?  
(Xin hỏi đến bảo tàng đi như thế nào, đi về phía tây hay phía đông?)

你往东走, 到红绿灯那儿往右拐,  
西边的白色高楼就是博物馆。(Bạn cứ đi thẳng về phía đông, đến chỗ đèn xanh đèn đỏ thì rẽ phải, tòa nhà trắng ở phía tây là bảo tàng).

Đoạn thoại này đã thể hiện rất rõ thói quen của người Trung Quốc khi hỏi đường, họ thích sử dụng cảm nhận về phương hướng đông tây nam bắc.

c) *Trải nghiệm VH.* Trong hoạt động dạy học, GV nên chú trọng đến các hoạt động trải nghiệm, để HS được tự mình tham gia vào các hoạt động để cảm nhận được nền VH Trung Hoa đa dạng, phong phú và hết sức sâu sắc. Những giáo cụ trực quan về nghệ thuật cắt giấy, hướng dẫn HS nghệ thuật tết dây Trung Quốc hay nghe một vài bài hát hiện đại hoặc truyền thống là những cách làm đơn giản mà hiệu quả, khiến SV có được niềm đam mê và hứng thú, góp phần giảm thiểu áp lực trong học tập, chơi mà học, học mà chơi.

#### d) *Hoạt động trong trường*

*Thảo luận:* GV chia lớp thành các nhóm và thảo luận về một vấn đề VH do GV đưa ra.

*Giải quyết vấn đề:* GV đưa ra một vài tình huống có liên quan đến VH và yêu cầu SV tìm cách giải quyết. Ví dụ, bài học về sự tin nhiệm, GV đưa ra một tình huống bạn cần giúp đỡ người khác nhưng thật khó khăn để có thể làm được, như vậy bạn sẽ ứng xử thế nào, lời nói sẽ ra sao theo đúng như đặc trưng VH của người Trung Hoa.

*Phân vai.* Hoạt động này được sử dụng hiệu quả nhất sau khi SV được học một bài hội thoại. Trong hoạt động này, người tham gia coi như mình là một nhân vật trong tình huống có thật. Ví dụ: những câu nói chúc mừng dùng trong đám cưới, mừng thọ, sinh nhật hay thăm hỏi người bệnh. Đây là những tình huống có thật thể hiện được những đặc trưng ngôn ngữ được ứng dụng trong từng ngữ cảnh cụ thể.

*Đóng kịch:* SV tự đưa ra những tình huống gây hiểu lầm xuất phát từ góc độ VH, những SV khác sẽ phải phát hiện và lí giải. Phương pháp này cũng phát huy cao độ tính tự giác và hợp tác giữa các thành viên trong giờ lên lớp, thu hút được sự chú ý của cả lớp vào tiến trình bài giảng.

*Giáo cụ trực quan:* Tranh ảnh, tài liệu, tạp chí, video,... là những tư liệu phong phú, trực quan sinh động có thể sử dụng để truyền tải VH. Trong đó, video rất có ích trong việc minh họa ngôn ngữ hình thể, yếu tố rất quan trọng thể hiện đặc trưng VH. Phương pháp này gây được hứng thú cao độ cho SV, phát huy được tính tích cực của các giác quan vào quá trình tiếp thu bài giảng, do kết hợp đồng thời giữa nghe và nhìn.

*Làm theo lời tôi nói:* GV yêu cầu SV nhận mệnh

lệnh từ bạn mình và hành động. Hoạt động này giúp SV chuyển từ trạng thái nghe hiểu sang trạng thái hành động. Trước nay, SV nhìn chung thường thụ động làm theo yêu cầu của GV; áp dụng phương pháp này, SV sẽ rèn luyện được khả năng chủ động nêu vấn đề và xây dựng tình huống, tính tích cực và chủ động của từng thành viên sẽ được phát huy.

*Dạy thành ngữ:* Thành ngữ là kết tinh ngôn ngữ của một dân tộc, phản ánh rõ nét và phong phú nhất thể giới quan của người dân sử dụng ngôn ngữ đó. Việc tìm hiểu ý nghĩa, nguồn gốc của thành ngữ, hay liên hệ với câu nói tương đương trong tiếng mẹ đẻ sẽ giúp người học hiểu hơn về ngôn ngữ đích giúp thực hành giao tiếp đạt chất lượng cao hơn.

*Câu đố:* Câu đố cần được chọn lọc, nhằm phát huy khả năng tư duy trừu tượng, sức liên tưởng tinh tế của SV, giúp các em qua đó nắm bắt được các tri thức ngôn ngữ và văn hóa. Việc tìm ra câu trả lời sẽ tạo ra hứng thú rất lớn cho người học vì ai cũng muốn là người chiến thắng. Như vậy, giờ học trở nên sôi nổi, hào hứng, mục tiêu bài giảng sẽ đạt được dễ dàng hơn.

*Giao lưu:* Giao lưu SV Việt - Trung có tác dụng vô cùng lớn trong việc tìm hiểu VH ứng xử giao tiếp cũng như sử dụng ngôn ngữ thường ngày. Hoạt động giao lưu còn có thể được tiến hành giữa các khối lớp trong khoa và SV cùng chuyên ngành ở các trường chuyên ngữ khác. Đó là một trong những sinh hoạt ngoại khóa có ý nghĩa và nên được áp dụng mỗi kì học ít nhất một lần.

Ngoài ra, còn có rất nhiều phương pháp cụ thể hay chi tiết về việc gắn VH với ngôn ngữ trong quá trình DHNN giai đoạn sơ cấp. Tuy nhiên, việc lựa chọn phương pháp nào còn phải phụ thuộc vào đối tượng người học, trình độ, điều kiện hay đặc trưng tâm lí. Vai trò chỉ đạo và hướng dẫn của GV có ý nghĩa rất lớn.

3. Xác định lại mối quan hệ chặt chẽ giữa ngôn ngữ và VH, nâng cao nhận thức về sự cần thiết đưa VH vào DHNN ở ngay giai đoạn sơ cấp là việc hết sức quan trọng. Phương pháp lấy người học làm trung tâm, để người học tự cảm nhận, tự giải quyết các vấn đề giao tiếp thông qua các hoạt động cụ thể, phong phú là điều kiện kết hợp các nhân tố VH để truyền đạt tri thức ngôn ngữ song song với rèn luyện kĩ năng.

(Xem tiếp trang 48)

thiện của thể thơ song thất lục bát ở thế kỉ XVIII thể hiện qua tác phẩm "CPNK" ở các khía cạnh gieo vần, ngắt nhịp, phối thanh,...; 3) Chú ý đến đặc điểm của một bản quốc ngữ được phiên âm từ chữ Nôm. Một chữ Nôm có thể ghi nhiều âm đọc khác nhau. Phiên âm như thế nào còn phụ thuộc vào trình độ vào khả năng nhận biết, suy luận, nắm bắt nghĩa từ của mỗi soạn giả. Nếu không chú ý đến đặc điểm đó sẽ dễ bị sa đà vào phân tích hoặc tán tụng những giá trị biểu cảm của từ mà quên rằng bản quốc ngữ được phiên âm từ bản Nôm.

\*\*\*

Trên đây là một số suy nghĩ của chúng tôi từ nghiên cứu, tìm hiểu văn bản đến việc dạy và học tác phẩm "CPNK" trong nhà trường cao đẳng sư phạm. Thiết nghĩ, nếu biết vận dụng các kết quả nghiên cứu về văn bản tác phẩm trong dạy và học trong trường cao đẳng sư phạm, người học sẽ nắm bắt một cách nhanh chóng và hiểu một cách sâu sắc, toàn diện cả về nội dung lẫn hình thức nghệ thuật của tác phẩm, cảm nhận hết được cái hay, cái đẹp của tác phẩm như nó vốn có. Có vậy, khi ra trường mới hi vọng họ truyền thụ một cách có hiệu quả nhất cho thế hệ học sinh những tinh hoa của nền văn học cổ nước nhà. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Nam Phong tạp chí số 100, năm 1926; tr.494-496.
2. Tâm nguyên tạp chí số 1, tháng 5 năm 1954; tr.6-18.
3. Quốc âm thi, bản chữ Nôm viết tay, quyển số 4, số AB/179 của Trường Bác Cổ.
4. Danh giá quốc âm, bản in chữ Nôm, xuất bản năm 1902 của thư viện trường Bác Cổ.
5. Chinh phụ ngâm. Bộ Giáo dục xuất bản năm 1957.
6. Chinh phụ ngâm, bản in chữ Nôm của Trường Thịnh, xuất bản năm 1910.
7. Lại Ngọc Cang (khảo đính và giới thiệu). Chinh phụ ngâm. NXB Văn học, H. 1964.
8. Lương Văn Đăng - Nguyễn Thạch Giang - Nguyễn Lộc (giới thiệu, biên khảo, chú giải). Những khúc ngâm chọn lọc, tập 1. NXB Hà Nội, 1982.
9. Hoàng Xuân Hãn. Chinh phụ ngâm bị khảo. NXB Văn học, H. 1992.
10. Nguyễn Thạch Giang (giới thiệu). Chinh phụ ngâm diễn khúc. NXB Đại học và trung học chuyên nghiệp, H. 1987.
11. Tôn Thất Lương (sưu tầm). Chinh phụ ngâm diễn ca. Bản in theo lối chụp ảnh, nói là nguyên văn của Đoàn Thị Điểm. NXB Tân Việt, 1950.
12. Tôn Thất Lương. Chinh phụ ngâm khúc dẫn giải, chú thích. NXB Tân Việt, 1952.

13. Thuần Phong. Chinh phụ ngâm giảng luận. NXB Lê Văn Cang, Sài Gòn, 1951.

14. Nguyễn Văn Xuân. Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc. NXB Lá Bối Sài Gòn, 1972.

#### SUMMARY

*When teaching "Chinh phụ ngâm" ("Lament of the soldier's wife" at Teachers College, the teacher must first equip yourself with knowledge about Nom to be able to learn all of the existing have and choose the most reliable one, researchers are most interested in serving teaching. And the school must have references and need to take it serious Nom subjects in the training program. Thus teaching and learning work in particular government and soaked track general stock new literary achieve high efficiency.*

## VỀ THÀNH TỐ VĂN HÓA...

(Tiếp theo trang 54)

Việc xem VH là một phần trọng yếu của dạy học ngoại ngữ cũng như dành thời gian cho dạy VH sẽ tạo điều kiện cho GV gây ảnh hưởng và hứng thú cho người học một cách tích cực; góp phần xây dựng năng lực giao tiếp cho người học - một trong những mục tiêu thiết thực nhất của DHNN. Kết hợp các yếu tố VH vào giảng dạy ngôn ngữ nói chung và tiếng Hán nói riêng còn rộng mở không gian tri thức cho người học, làm cho giờ học ngoại ngữ không đơn điệu mà mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Khang. Ngôn ngữ học xã hội - Những vấn đề cơ bản. NXB Khoa học xã hội, H. 1999.
2. Trương Đại Niên - Phương Khắc Lực. Khái quát văn hóa Trung Quốc. NXB Đại học sư phạm Bắc Kinh, Trung Quốc, 2002.
3. Trần Ngọc Thêm. Cơ sở văn hóa Việt Nam. NXB Giáo dục, H. 1999.
4. Vương Đồng Ước. Tân hiện đại Hán ngữ từ điển. NXB Hải Nam, Trung Quốc, 1993.

#### SUMMARY

*The relation between culture and language is closely related and unseparated. Intergrating cultural elements into teaching foreign language, especially chinese right from elementary is very necessary, boosting the interesting in learning, providing knowledge and skills in terms of culture and language. By analysing the relation between culture and language, the article suggest the teaching method of focusing on the learners and exploiting potential cultural knowledge hiding inside languages.*